

TỔNG HỢP KẾT QUẢ HỌC LỰC, HẠNH KIỂM
CẢ NĂM - NĂM HỌC 2020-2021

STT	Tên lớp	Số số	Số học sinh						Học lực										Hạnh kiểm								Danh hiệu			
			Lên lớp		Lưu ban	Chuyển đi	Chuyển đến	Bỏ học	Giỏi		Khá		TB		Yếu		Kém		Tốt		Khá		TB		Yếu		Giỏi		Tiên tiến	
			SL	TL (%)					SL	TL (%)	SL	TL (%)	SL	TL (%)	SL	TL (%)	SL	TL (%)	SL	TL (%)	SL	TL (%)	SL	TL (%)	SL	TL (%)	SL	TL (%)	SL	TL (%)
1	TỔNG TOÀN TRƯỜNG	781	764	97,82	17	7	2	2	362	46,35	191	24,46	173	22,15	38	4,87	7	0,9	645	82,59	106	13,57	17	2,18	3	0,38	360	46,09	190	24,33
2	TỔNG KHỐI 6	196	189	96,43	7	2			92	46,94	46	23,47	43	21,94	7	3,57	5	2,55	163	83,16	30	15,31					92	46,94	46	23,47
3	6A1	33	33	100					32	96,97	1	3,03							33	100							32	96,97	1	3,03
4	6A2	41	39	95,12	2	1			15	36,59	8	19,51	14	34,15	3	7,32	1	2,44	31	75,61	10	24,39					15	36,59	8	19,51
5	6A3	42	40	95,24	2				14	33,33	13	30,95	10	23,81	3	7,14	1	2,38	31	73,81	10	23,81					14	33,33	13	30,95
6	6A4	40	38	95	2				15	37,5	13	32,5	7	17,5	1	2,5	2	5	34	85	4	10					15	37,5	13	32,5
7	6A5	40	39	97,5	1	1			16	40	11	27,5	12	30			1	2,5	34	85	6	15					16	40	11	27,5
8	TỔNG KHỐI 7	190	185	97,37	5	2	1	1	86	45,26	36	18,95	52	27,37	15	7,89			147	77,37	38	20	3	1,58	1	0,53	85	44,74	37	19,47
9	7A1	40	40	100		1			36	90	2	5	2	5					40	100							36	90	2	5
10	7A2	36	35	97,22	1	1		1	10	27,78	7	19,44	16	44,44	3	8,33			25	69,44	10	27,78	1	2,78			10	27,78	7	19,44
11	7A3	40	38	95	2				11	27,5	12	30	11	27,5	6	15			30	75	9	22,5			1	2,5	11	27,5	12	30
12	7A4	36	36	100					14	38,89	6	16,67	14	38,89	1	2,78			27	75	7	19,44	1	2,78			14	38,89	6	16,67
13	7A5	38	36	94,74	2		1		15	39,47	9	23,68	9	23,68	5	13,16			25	65,79	12	31,58	1	2,63			14	36,84	10	26,32
14	TỔNG KHỐI 8	211	206	97,63	5	2		1	92	43,6	57	27,01	43	20,38	15	7,11	2	0,95	172	81,52	25	11,85	10	4,74	2	0,95	91	43,13	56	26,54
15	8A1	43	43	100					42	97,67	1	2,33							43	100							42	97,67	1	2,33
16	8A2	36	35	97,22	1				12	33,33	9	25	11	30,56	2	5,56	1	2,78	29	80,56	3	8,33	3	8,33			12	33,33	8	22,22
17	8A3	33	33	100		1			11	33,33	12	36,36	8	24,24	1	3,03			27	81,82	4	12,12	1	3,03			10	30,3	13	39,39
18	8A4	32	31	96,88	1			1	10	31,25	9	28,13	9	28,13	3	9,38	1	3,13	26	81,25	4	12,5	2	6,25			10	31,25	8	25
19	8A5	33	32	96,97	1	1			10	30,3	10	30,3	10	30,3	3	9,09			24	72,73	7	21,21	2	6,06			10	30,3	10	30,3
20	8A6	34	32	94,12	2				7	20,59	16	47,06	5	14,71	6	17,65			23	67,65	7	20,59	2	5,88	2	5,88	7	20,59	16	47,06
21	TỔNG KHỐI 9	184	184	100		1	1		92	50	52	28,26	35	19,02	1	0,54			163	88,59	13	7,07	4	2,17			92	50	51	27,72
22	9A1	36	36	100					35	97,22	1	2,78							36	100							35	97,22	1	2,78
23	9A2	35	35	100			1		26	74,29	9	25,71							34	97,14	1	2,86					26	74,29	9	25,71
24	9A3	38	38	100					11	28,95	15	39,47	10	26,32					30	78,95	4	10,53	2	5,26			11	28,95	14	36,84
25	9A4	41	41	100					12	29,27	14	34,15	14	34,15					34	82,93	5	12,2	1	2,44			12	29,27	14	34,15
26	9A5	34	34	100		1			8	23,53	13	38,24	11	32,35	1	2,94			29	85,29	3	8,82	1	2,94			8	23,53	13	38,24

Người lập biểu
(Ký và ghi rõ họ tên)

Phú Nhuận, ngày 16 tháng 9 năm 2024
HIỆU TRƯỞNG
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Nguyễn Thị Mộng Đẹp